

# BÁO CÁO CẬP NHẬT

## CTCP PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

### DCM



**Tháng 02.2017**

**PSI – Hà Nội**  
Hội sở: Tầng 2 tòa nhà Hanoitourist, số 18  
Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà  
Nội.  
Điện thoại: (84-4) 3934 3888  
Fax: (84-4) 3934 3999

**PSI – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**  
Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. Hồ  
Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 3914 6789  
Fax: (84-8) 3914 6969

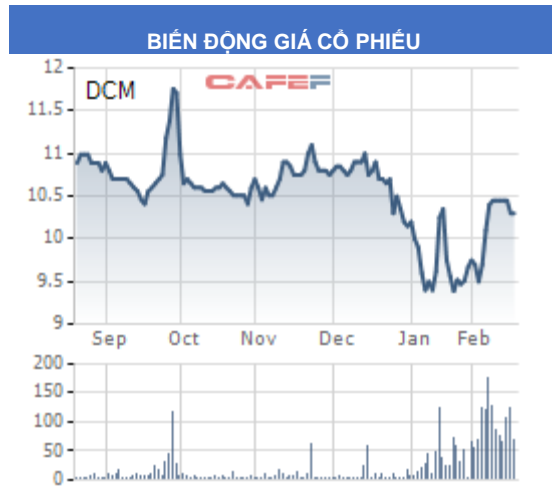
**PSI – Chi nhánh Vũng Tàu**  
Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba  
Cu, Tp. Vũng Tàu  
Điện thoại: (84-64)  
254520/22/23/24/26  
Fax: (84-64) 625 4521

**PSI – Chi nhánh Đà Nẵng**  
Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong,  
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Điện thoại: (84-511) 389 9338  
Fax: (84-511) 389 9339

**THÔNG TIN CỔ PHIẾU**

THÔNG TIN NIÊM YẾT	
Tên Công ty	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
Ngành nghề	Phân bón, hóa chất
Sàn giao dịch	HSX
Mã chứng khoán	DCM
Vốn điều lệ	5.294 tỷ đồng
Vốn hóa: 21/02/2017	5.453 tỷ đồng
Giá cổ phiếu: 21/02/2017	10.300 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
Petro Vietnam	75,56%
Cổ đông khác	24,44%



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
	2014	2015	2016
Tổng tài sản	16.544	14.479	12.846
Vốn chủ sở hữu	5.546	6.233	5.850
Doanh thu thuần	6.044	5.582	4.910
Lợi nhuận gộp	1.458	1.632	1.315
Lợi nhuận trước thuế	856	715	659
Lợi nhuận ròng	821	712	625
LNST cổ đông cty mẹ	819	708	620
EPS (đ)	-	1.175	1.039
Tỷ lệ cổ tức (%)	-	8%	9%

Tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân Bón Dầu Khí Cà Mau (PVCFC-DCM) với nhiệm vụ quản lý, vận hành hiệu quả nhà máy Đạm Cà Mau, công ty thực hiện cổ phần hóa và IPO thành công vào cuối năm 2014. Với quy mô công suất Nhà máy Đạm Cà Mau 800.000 tấn/năm. DCM chiếm gần 8% thị phần phân bón cả nước và 40% thị phần ure nội địa. Tại thị trường ĐBSCL, thị phần của DCM đứng số 1 và đang tiếp tục duy trì vị thế này so với các đối thủ cạnh tranh khác. Tại thị trường Đông Nam Bộ, DCM có thị phần đứng thứ hai, sau Đạm Phú Mỹ và tại thị trường Campuchia, DCM có thị phần lớn nhất trong khi tiềm năng phát triển nông nghiệp của nước này không ngừng gia tăng và nhu cầu tiêu thụ ure tiếp tục được cải thiện trong thời gian tới với quy mô đạt 400.000-500.000 tấn/năm vào năm 2018.

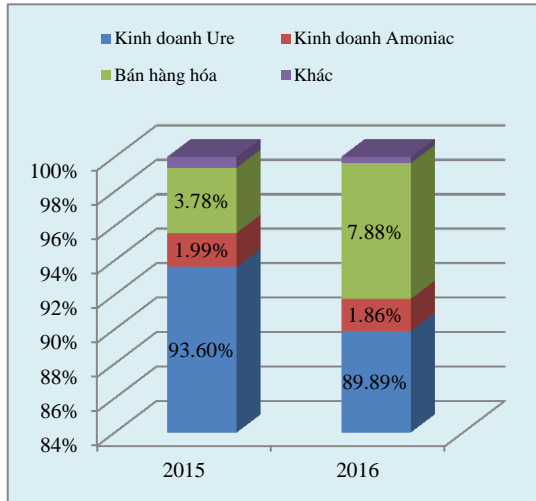
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ IV/2016**

Năm 2016. DCM đặt kế hoạch doanh thu 5.845 tỷ đồng (tăng 4,71% so với năm 2015) và 649 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế (giảm 8,85% so với năm 2015). Tuy nhiên, ngay những ngày đầu tháng 1/2017, Đạm Cà Mau đã điều chỉnh giảm kế hoạch kinh doanh năm 2016 với chỉ tiêu tổng doanh thu giảm xuống còn 5.092 tỷ đồng tương ứng mức giảm 13%; lợi nhuận sau thuế điều chỉnh giảm xuống còn 621 tỷ đồng tương ứng giảm 4%.

Trong Quý IV/2016. doanh thu thuần đạt gần 1.746 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2015. Trong khi đó, giá vốn hàng bán giảm 11,05% xuống còn trên 1.184 tỷ đồng. Doanh thu trong kỳ tăng trong khi giá vốn giảm dẫn tới lợi nhuận gộp trong kỳ tăng 47,63% so với cùng kỳ năm 2015, đạt 561,84 tỷ đồng. Doanh thu tài chính Quý IV/2016 đạt 39,28 tỷ đồng, giảm 9,68% so với cùng kỳ năm 2015. Trong khi đó, ở chiều ngược lại, chi phí tài chính tăng gần 164% so với Quý IV/2015, đạt 188,61 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ đạt 79,2 tỷ đồng và 87,85 tỷ đồng, đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2015 lần lượt 95,89% và 35,78%. Khoản mục lợi nhuận khác trong kỳ cũng tăng mạnh khi đạt gần 10 tỷ đồng trong khi cùng năm trước chỉ đạt chưa tới nửa tỷ đồng. Lợi nhuận trước và sau thuế trong kỳ lần lượt đạt 255,42 tỷ đồng và 241,51 tỷ đồng, tăng và giảm nhẹ 3,08% & 2% so với cùng kỳ năm 2015.

Lũy kế năm 2016, DCM đạt trên 4.910 tỷ đồng doanh thu thuần và trên 3.595 tỷ đồng giá vốn hàng bán, tương ứng giảm lần lượt 12,04% & 8,99% so với năm 2015. Do doanh thu thuần giảm mạnh hơn giá vốn nên lợi nhuận gộp cả năm 2016 chỉ đạt gần 1.315 tỷ đồng, giảm 19,41% so với năm 2015. Doanh thu tài chính trong năm 2016 đạt 281,35 tỷ đồng, tăng 24,27% so với năm 2015. Trong khi đó, chi phí tài chính giảm 34,8% so với năm 2015 khi đạt 432,72 tỷ đồng, chủ yếu do tác động của lãi và lỗ tỷ giá, trong đó lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ tăng gần 120 tỷ đồng so với năm 2015 và lỗ tỷ giá giảm gần 200 tỷ đồng so với năm 2015. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2016 đạt 275,83 tỷ đồng và 254,75 tỷ đồng, tương ứng giảm nhẹ 0,22% và tăng 24,04% so với năm 2015. Lợi nhuận trước và sau thuế năm 2016 lần lượt đạt 659 tỷ đồng và 624,52 tỷ đồng, tương ứng giảm 7,8% và 12,34% so với năm 2015. Như vậy, so

### Cơ cấu Doanh thu thuần của DCM



với kế hoạch đã điều chỉnh thì năm 2016 Công ty đã hoàn thành 97,64% kế hoạch doanh thu và 100,57% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

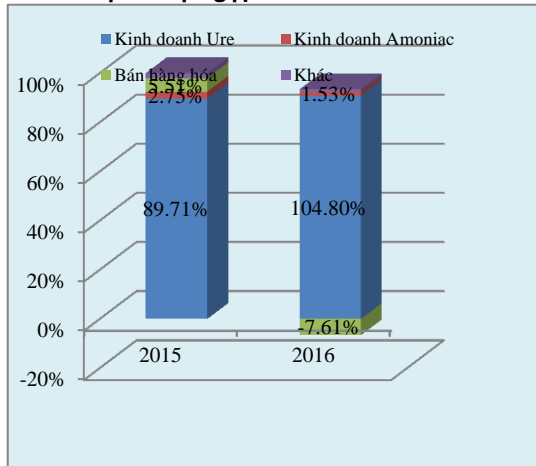
Cung – cầu ure trong nước biến động dẫn đến giá bán và doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh ure của DCM trong năm 2016 giảm nhiều so với năm 2015. Sự sụt giảm của giá khí đã tác động không nhỏ tới hoạt động kinh doanh chính của DCM nói riêng và các công ty phân bón nói chung.

Về cơ cấu doanh thu & lợi nhuận gộp trong năm 2016, hoạt động sản xuất và kinh doanh ure chiếm phần lớn cơ cấu doanh thu & lợi nhuận của Công ty với tỷ trọng lần lượt trên 90%.

### Cơ cấu Doanh thu thuần của DCM

Chỉ tiêu	2015	2016
Kinh doanh Ure	93.60%	89.89%
Kinh doanh Amoniac	1.99%	1.86%
Bán hàng hóa	3.78%	7.88%
Khác	0.63%	0.36%
<b>TỔNG</b>	<b>100.00%</b>	<b>100.00%</b>

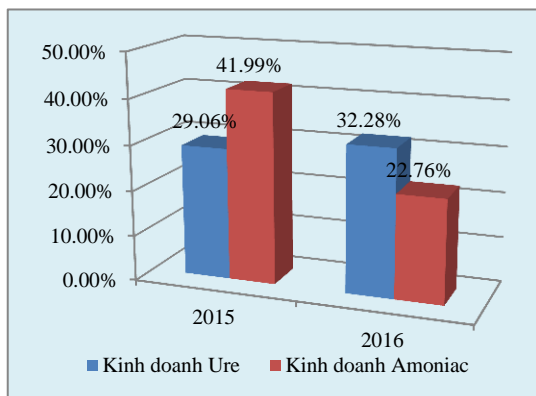
### Cơ cấu lợi nhuận gộp của DCM



### Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh Quý IV/2016 của DCM

Chỉ tiêu	Đơn vị: tỷ đồng					
	Quý IV.2016	Quý IV.2015	Thay đổi (%)	Lũy kế 2016	Lũy kế 2015	Thay đổi (%)
Doanh thu thuần	1,745.98	1,711.74	2.00%	4,910.17	5,582.24	-12.04%
Giá vốn hàng bán	1,184.15	1,331.18	-11.05%	3,595.32	3,950.63	-8.99%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>561.84</b>	<b>380.56</b>	<b>47.63%</b>	<b>1,314.85</b>	<b>1,631.61</b>	<b>-19.41%</b>
Doanh thu tài chính	39.28	43.49	-9.68%	281.35	226.41	24.27%
Chi phí tài chính	188.61	71.46	163.95%	432.72	663.67	-34.80%
Chi phí lãi vay	51.81	57.53	-9.95%	206.62	232.44	-11.11%
Chi phí bán hàng	79.20	40.43	95.89%	275.83	276.44	-0.22%
Chi phí quản lý Doanh nghiệp	87.85	64.70	35.78%	254.75	205.38	24.04%
Lợi nhuận khác	9.96	0.32	3051.27%	26.18	2.27	1052.93%
Lãi/lỗ liên doanh liên kết	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	255.42	247.78	3.08%	659.08	714.80	-7.80%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>241.51</b>	<b>246.42</b>	<b>-2.00%</b>	<b>624.52</b>	<b>712.46</b>	<b>-12.34%</b>
EPS	395	328	20.43%	1,039	1,175	-11.57%

### Biên lợi nhuận gộp của DCM



Trong bối cảnh tình hình giá khí vẫn còn nhiều khó khăn, năm 2017 DCM đặt mục tiêu kế hoạch kinh doanh khiêm tốn với doanh thu dự kiến 5.328 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến 633 tỷ đồng, tăng nhẹ 7,2% & 1,36% so với thực hiện năm 2016.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>
Doanh thu thuần	6.044	5.582	4.910
Giá vốn hàng bán	4.586	3.951	3.595
Lợi nhuận gộp	1.458	1.632	1.315
Doanh thu HĐ tài chính	181	226	281
Chi phí tài chính	478	664	433
Chi phí bán hàng	193	276	276
Chi phí quản lý doanh nghiệp	169	205	255
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	799	713	633
Lợi nhuận khác	58	2	26
Lợi nhuận trước thuế	856	715	659
Lợi nhuận sau thuế	821	712	625
EPS (VND)	-	1.175	1.039

<b>CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>5.372</b>	<b>4.431</b>	<b>3.913</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.952	1.215	814
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.068	2.703	2.300
Các khoản phải thu ngắn hạn	88	80	361
Hàng tồn kho	230	391	374
Tài sản ngắn hạn khác	34	43	65
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>11.171</b>	<b>10.047</b>	<b>8.933</b>
Tài sản cố định	11.004	9.849	8.754
Các khoản phải thu dài hạn			
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
Tài sản dở dang dài hạn			79
Tài sản dài hạn khác			99
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>16.544</b>	<b>14.479</b>	<b>12.846</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>10.979</b>	<b>8.245</b>	<b>6.995</b>
Nợ ngắn hạn	4.114	2.424	2.414
Nợ dài hạn	6.865	5.821	4.581
Vốn chủ sở hữu	5.546	6.233	5.850
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.120	5.294	5.294
Thặng dư vốn cổ phần			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10	543	368
Quy đầu tư phát triển			161
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>16.544</b>	<b>14.479</b>	<b>12.846</b>

<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ HĐKD</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	856	715	659
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	1.352	1.228	1.293
Các khoản dự phòng	-14	1	2
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	-151	-167	-160
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	115	302	101
Chi phí lãi vay	328	232	207
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	2.486	2.310	2.100
Tăng, giảm các khoản phải thu	42	-14	-321
Tăng, giảm hàng tồn kho	210	-193	16
Tăng, giảm các khoản phải trả	1.756	88	-148
Tăng, giảm chi phí trả trước	113	53	-3
Tiền lãi vay đã trả	-335	-242	-206
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-3	-34	-6
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			-8
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-1.647	-57
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD</b>	<b>4.270</b>	<b>321</b>	<b>1.081</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	-88	-158	-172
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-3.068	-3.964	-5.100
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.427	5.503
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	121	164	164
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</b>	<b>-3.035</b>	<b>470</b>	<b>395</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ HĐTC</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	922		
2. Cổ phiếu quỹ			
3. Tiền thu từ đi vay	300	14	134
4. Tiền trả nợ gốc vay	-2.403	-1.264	-1.376
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
6. Cổ tức đã trả	-454	-390	-635
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-1.635</b>	<b>-1.640</b>	<b>-1.877</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-401	-849	-402
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2.353	2.064	1.215
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>1.952</b>	<b>1.215</b>	<b>814</b>

Nguồn: BCTC của công ty



## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Hệ thống khuyến nghị của PSI được xây dựng dựa trên mức chênh lệch giữa kết quả định giá và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm định giá. Có giá trị 6 tháng kể từ thời điểm phát hành báo cáo. Có 3 mức khuyến nghị cho mỗi cổ phiếu, tương ứng với từng mức chênh lệch. Các khuyến nghị có thể được thay đổi sau mỗi lần cập nhật hoặc đánh giá lại để phù hợp với tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- **MUA:** khi giá thị trường thấp hơn giá định giá 15%
- **GIỮ:** khi giá thị trường nằm trong biên độ giá định giá +/- 15%
- **BÁN:** khi giá thị trường cao hơn giá định giá 15%

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: [www.psi.vn](http://www.psi.vn)

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2015 thuộc về Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và PSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của PSI. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của PSI.